

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2022/DS-ST
Ngày: 09-8-2022
“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán vật tư nuôi tôm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Liềm.

Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2021/TLST-DS, ngày 22/02/2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán vật tư nuôi tôm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Quách Thanh Ng – sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp VC, xã HC, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn C – sinh năm 1969 và Bà Nguyễn Thị E – sinh năm 1971 (đều vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp HA, xã TL, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Quách Thanh Ng trình bày:

Vào năm 2018 vợ chồng ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị E nhiều lần đến cửa hàng của tôi mua thức ăn tôm, thuốc và vật tư phục vụ cho việc nuôi tôm và có nợ tôi số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Ông C và bà E có hứa đến khi thu hoạch tôm sẽ thanh toán số tiền nợ nói trên cho tôi nhưng sau khi thu hoạch tôm ông, bà vẫn không thanh toán cho tôi, tôi đã nhiều lần đến nhà yêu cầu thanh toán thì ông bà cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác mà không trả. Đến ngày 28/9/2020 ông C, bà E và tôi chốt nợ là ông bà còn nợ tôi tổng số tiền nợ

20.000.000đ và thỏa thuận chịu lãi hàng tháng là 2%. Tuy nhiên cho đến nay ông, bà vẫn không trả gốc và lãi cho cho tôi, ông bà cố tình dây dưa kéo dài mà không có thiện chí trả nợ.

Tại phiên tòa, ông Quách Thanh Ng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc buộc ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị E phải trả cho ông tiền nợ mua thức ăn tôm, thuốc và vật tư phục vụ cho việc nuôi tôm là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 29/8/2020 đến ngày xét xử và yêu cầu trả đủ một lần.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại Bản tự khai ngày 27/4/2021 Bị đơn bà Nguyễn Thị E trình bày:

Tôi là vợ của ông Phạm Văn C, gia đình tôi có nuôi trồng thủy sản, năm 2018 vợ chồng tôi có mua thức ăn phục vụ nuôi tôm của gia đình của ông Quách Thanh Ng. Tôi nhớ nợ gốc là 12.000.000đ, sau này có mua thêm thuốc vật tư nuôi tôm và hai bên tính toán lên 16.000.000đ. Do việc nuôi tôm thua lỗ, ông Ng có đến nhà yêu cầu trả nợ thì vợ chồng tôi có làm giấy nhận nợ ngày 29/8/2020 nợ tiền mua vật tư nuôi tôm là 20.000.000đ. Việc lập biên nhận này thì gia đình tôi cũng đồng ý vì đã nợ tiền nuôi tôm đã lâu và ông Ng đã kê lãi lên là 20.000.000đ. Từ khi lập biên nhận đến nay thì vợ chồng tôi không có trả thêm cho ông Ng khoản nào. Qua yêu cầu khởi kiện của ông Ng yêu cầu tôi trả tiền mua vật tư nuôi tôm 20.000.000đ thì tôi có ý kiến xin trả dần, 03 tháng trả một lần từ 2.000.000đ – 3.000.000đ cho đến khi hết nợ. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

Đối với bị đơn ông Phạm Văn C trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật (có vợ là bà Nguyễn Thị E nhận thay và cam kết sẽ giao lại) nhưng ông C không cung cấp bản tự khai và cũng không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông C.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” là đúng nhưng chưa đầy đủ mà phải xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nuôi tôm”. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, còn vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử cần khắc phục. Các bên đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Phạm Văn C chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 430, 440 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Quách Thanh Ng, buộc ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị E phải trả cho ông Quách Thanh Ng số tiền mua vật tư nuôi tôm còn nợ là 20.000.000đ và tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 29/8/2020 đến

ngày xét xử theo quy định tại Điều 357 BLDS 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán vật tư nuôi tôm. Trong vụ án này bị đơn ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị E có nơi cư trú tại ấp Hiệp An, xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

[2] Sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị E đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Vào năm 2018 vợ chồng ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị E nhiều lần đến cửa hàng của ông Quách Thanh Ng để mua vật tư nuôi tôm, hai bên thỏa thuận ông Ng sẽ bán nợ đến khi nào vợ chồng ông C, bà E thu hoạch tôm sẽ thanh toán tiền cho ông Ng. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm xong thì ông C và bà E không thanh toán nợ cho phía ông Ng. Nên đến ngày 29/8/2020 hai bên chốt nợ là ông C, bà E còn nợ ông Ng số tiền là 20.000.000đ và đồng thời phía ông C bà E phải chịu lãi suất 2%/tháng đối với tiền chậm trả. Nhưng sau đó, ông C, bà E vẫn không trả nợ kéo dài đến nay nên ông Ng khởi kiện yêu cầu trả lại cho ông số nợ 20.000.000đ và tính lãi suất chậm trả từ ngày 29/8/2020 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C không đến tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình, còn bà E vợ ông C thì thống nhất vợ chồng ông bà còn nợ ông Ng số tiền 20.000.000đ nhưng bà xin được trả dần số nợ trên 03 tháng trả một lần từ từ 2.000.000đ – 3.000.000đ, trả đến khi nào dứt nợ thì thôi và xin ông Ng không tính lãi. Tuy nhiên, bà E cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải để các bên trao đổi cùng với ông Ng nên không thỏa thuận được. Xét về việc thực hiện nghĩa vụ thì ông C, bà E không thực hiện theo đúng thỏa thuận trả nợ cho ông Ng từ đó phát sinh tranh chấp. Xét về nội dung và hình thức mua bán như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự nên phát sinh hiệu lực thi hành.

Xét yêu cầu của ông Ng yêu cầu ông C, bà E phải trả cho ông số tiền nợ là 20.000.000đ và tính lãi suất chậm trả từ ngày 29/8/2020 đến ngày xét xử. Quá trình giải quyết vụ án bà E đều thừa nhận và đồng ý trả cho ông Ng số tiền mua thức ăn còn nợ là 20.000.000đ. Tuy nhiên, bà E trình bày hiện tại hoàn cảnh đang gặp khó khăn, số nợ 20.000.000đ là ông Ng đã có tính lãi trong đó nên bà

chỉ đồng ý trả 20.000.000đ và xin trả dần, riêng lãi yêu cầu không tính. Xét thấy, ông Ng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên bán theo quy định nhưng ông C, bà E sau khi nhận mua thì không thực hiện đúng theo thỏa thuận giao kết ban đầu, sau đó vẫn không chịu thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận giữa hai bên. Do ông C, bà E không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho bên bán là vi phạm quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự, do đó yêu cầu của ông C là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Ông C, bà E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần ông C, bà E phải thanh toán trả lại cho ông Ng số nợ 20.000.000đ, đồng thời phải trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 29/8/2020 đến ngày xét xử ngày 09/8/2022 là 01 năm 11 tháng 11 ngày. Lãi suất được tính như sau:

$20.000.000đ \times 10\%/năm$ (tương đương $0.83\%/tháng$) \times 01 năm 11 tháng 11 ngày = 3.894.444đ làm tròn là 3.894.000đ.

Tổng cộng gốc và lãi: $20.000.000đ + 3.894.000đ = 23.894.000đ$.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thi hành: $23.894.000đ \times 5\% = 1.194.700đ$ làm tròn là 1.195.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430, 440 và Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Thanh Ng.

Buộc ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị E có nghĩa vụ trả cho ông Quách Thanh Ng số tiền tổng cộng là **23.894.000đ** (Hai mươi ba triệu, tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Trong đó gồm: Nợ gốc là 20.000.000đ, lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 3.894.000đ;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông C, bà E còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị E phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.195.000đ (Một triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Ông Quách Thanh Ng được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009702 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 09/8/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhập